

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS - ST
Ngày: 11 - 01 - 2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Xiêm.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2017/TLST - DS, ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐXXST - DS, ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị , sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ông T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ông T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị P trình bày: Bà có cho ông Nguyễn Văn V vay tiền 03 lần, cụ thể: Ngày 28/02/2016A1 cho vay 70.000.0000 đồng, ngày 10/3/2016A1 cho vay 20.000.000 đồng, ngày 02/4/2016A1 cho vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền cho vay là 190.000.000 đồng. Khi cho vay tiền hai bên thỏa thuận khi nào cần lấy lại tiền thì bà thông báo trước cho ông V thời gian từ 15

ngày trở lên phải hoàn trả tiền cho bà, lãi suất của 03 lần cho vay là 7%/tháng. Sau khi vay ông V có đóng lãi cho bà được 01 tháng của 03 lần vay, số tiền lãi của lần vay ngày 28/02/2016Al là 4.900.000 đồng, lần vay ngày 10/3/2016Al là 1.400.000 đồng, lần vay ngày 02/4/2016Al là 9.100.000 đồng, tổng số tiền lãi ông V đóng cho bà là 15.400.000 đồng chứ không phải như lời trình bày của ông V. Sau khi cho vay bà có thông báo đòi tiền nhiều lần nhưng ông V không trả vốn và cũng không đóng lãi đầy đủ. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Thanh T phải liên đới hoàn trả cho bà một lần số tiền vay còn nợ là 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông thống nhất có vay tiền như lời trình bày của bà P. Tuy nhiên sau khi vay tiền ông có đóng lãi đầy đủ cho bà P cả 03 lần vay thời gian từ khi vay đến tháng 3/2017Al, cụ thể lần vay ngày 28/02/2016Al ông đóng lãi số tiền 68.600.000 đồng, lần vay ngày 02/4/2016Al ông đóng lãi số tiền 77.000.000 đồng, lần vay ngày 10/3/2016Al ông đóng lãi số tiền 16.800.000 đồng. Những lần đóng lãi ông là người trực tiếp đưa tiền cho bà P nhận, không có làm giấy tờ cũng như không có người làm chứng nên ông không chứng minh được. Nay ông thừa nhận còn nợ bà P số tiền vay là 190.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng có bao nhiêu tiền ông sẽ cố gắng trả cho bà P chứ không xác định được cụ thể số tiền phải trả hàng tháng, đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét lại phần lãi ông đã đóng vượt quá quy định của pháp luật để khấu trừ vào tiền vốn khi hoàn trả nợ cho bà P. Việc ông vay tiền là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T trình bày: Thống nhất như ý kiến của ông V, bà đồng ý cùng ông V liên đới trả nợ cho bà P như lời trình bày của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Vào năm 2016, bà Mai Thị P có cho ông Nguyễn Văn V vay tiền 03 lần, cụ thể: Ngày 28/02/2016Al cho vay 70.000.0000 đồng, ngày 10/3/2016Al cho vay 20.000.000 đồng, ngày 02/4/2016Al cho vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền cho vay là 190.000.000 đồng. Khi thiết lập hợp đồng vay hai bên thỏa thuận khi nào cần tiền thì bà P thông báo trước thời gian từ 15 ngày trở lên để ông V trả tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận của 03 hợp đồng vay là 7%/tháng. Sau khi cho vay bà P thông báo đòi tiền nhiều lần nhưng ông V không trả nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn V cùng vợ là bà Trần Thị Thanh T phải liên đới hoàn trả số tiền vay là 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2] Tại phiên tòa giữa bà P và ông V đều thống nhất ông V còn nợ tiền vay của bà P 190.000.000 đồng nhưng các bên không thống nhất với nhau về số tiền lãi ông V đã đóng cho bà P và cách thức trả nợ. Ông V yêu cầu xin trả dần còn bà P yêu cầu trả một lần, đồng thời ông V yêu cầu xem xét lại phần lãi đã đóng vượt quá quy định của pháp luật để khấu trừ vào tiền vốn khi hoàn trả tiền vay cho bà P. Theo lời trình bày của ông V thì lần vay ngày 28/02/2016Al ông đóng lãi số tiền

68.600.000 đồng, lần vay ngày 02/4/2016Al ông đóng lãi số tiền 77.000.000 đồng, lần vay ngày 10/3/2016Al ông đóng lãi số tiền 16.800.000 đồng, đối với bà P chỉ thừa nhận ông V có đóng lãi cho bà được 01 tháng của 03 lần vay, số tiền lãi của lần vay ngày 28/02/2016Al là 4.900.000 đồng, lần vay ngày 10/3/2016Al là 1.400.000 đồng, lần vay ngày 02/4/2016Al là 9.100.000 đồng, tổng số tiền lãi ông V đóng cho bà là 15.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày về việc đóng lãi của ông V không được bà P thừa nhận, ông V cũng không có chứng cứ để chứng minh cho việc đóng lãi như lời trình bày của mình nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này, về số tiền lãi bà P thừa nhận ông V đã đóng mặc dù các bên thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định của pháp luật tuy nhiên nếu tính theo lãi suất quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời gian từ lúc thiết lập 03 hợp đồng vay đến thời điểm xét xử thì số tiền lãi nêu trên cũng không vượt quá quy định của pháp luật nên không được xem xét để khấu trừ vào tiền vốn. Đối với yêu cầu xin trả dần của ông V không được bà P đồng ý, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên để bảo đảm quyền lợi cho bà P cần áp dụng Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc ông V phải hoàn trả số tiền vay 190.000.000 đồng cho bà P là phù hợp.

[3] Đối với bà Trần Thị Thanh T mặc dù không vay tiền từ bà P tuy nhiên việc ông V là chồng của bà T vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình, bà T cũng đồng ý cùng ông V trả nợ nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà T phải liên đới cùng ông V hoàn trả tiền còn nợ cho bà P là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Thanh T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho bà P là: $190.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Thanh T phải liên đới hoàn trả cho bà Mai Thị P số tiền vay là 190.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Thanh T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 9.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Mai Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.750.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện